

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 67/2021/DS-ST

Ngày: 15/12/2021

V/v “*Tranh chấp*

Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA - TỈNH ĐỒNG NAI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Chánh.

Bà Thiều Thị Phi Loan.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Hoàng Linh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Ông Mai Văn Thông – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 809/2020/TLST-DS ngày 09 tháng 12 năm 2020, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2021/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1107/2021/QĐST-DS ngày 29 tháng 7 năm 2021, Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử số 1128/TB-TA ngày 23/8/2021, Thông báo về thời gian mở phiên tòa xét xử số 1159/TB-TA ngày 21/10/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1178/2021/QĐST-DS ngày 22 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Hà Văn M, sinh năm 1982

Địa chỉ: thôn 2, xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Huỳnh E, sinh năm 1980

Địa chỉ: Số 91/24, khu phố 3, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Ông M có đơn xin xét xử vắng mặt, bà E vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện; bản tự khai; biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ - nguyên đơn ông Hà Văn M trình bày:

Ông M và bà E có quen biết nhau do là bạn học cùng lớp. Từ khoảng tháng 11/2018 đến ngày 09/3/2019, bà E có vay tiền của ông M nhiều lần để lo việc cá nhân, với tổng số nợ gốc là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng). Bà E có viết giấy xác nhận vay tổng số tiền nói trên của ông M, hẹn tới 15/4/2019 sẽ trả hết, lãi suất hai bên tự thỏa thuận. Tuy nhiên, đến hạn bà E không trả tiền và cố tình tránh mặt ông M.

Khoản vay này là của cá nhân bà E, không liên quan tới người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác. Trước đây, do bà E nói ông Nguyễn H, sinh năm 1963, địa chỉ: phường 14, Quận x, Thành phố Hồ Chí Minh là chồng của bà E nên ông M có yêu cầu ông H là Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Nhưng sau khi xác minh tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì ông H và bà E không có quan hệ pháp lý gì với nhau nên ông M không yêu cầu Tòa án đưa ông H là Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này nữa.

Do bà E đã vi phạm các thỏa thuận làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông M, nên ông M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Huỳnh E phải trả cho ông M số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) và tiền lãi tính chung theo mức 1,6%/tháng từ ngày 16/4/2019 đến ngày 25/5/2021 (tính tròn là 25 tháng), thành tiền là: $300.000.000 \text{ đồng} \times 25 \text{ tháng} \times 1,6\%/\text{tháng} = 120.000.000 \text{ đồng}$ (Một trăm hai mươi triệu đồng). Tổng cộng gốc và lãi là 420.000.000 đồng (Bốn trăm hai mươi triệu đồng). Ông M không yêu cầu Tòa án tính tiền lãi suất từ ngày 09/3/2019 đến ngày 15/4/2019 và lãi suất từ ngày 26/5/2021 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm. Ngoài ra, ông M không yêu cầu gì thêm và không còn tài liệu chứng cứ nào để bổ sung.

- Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập cho bà Nguyễn Thị Huỳnh E đến Tòa làm việc, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà E vắng mặt không có lý do nên không có lời khai.

- Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà Nguyễn Thị Huỳnh E không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không chấp hành theo đúng quy định.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Nguyễn Thị Huỳnh E phải trả cho ông Hà Văn M số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) và tiền lãi tính chung theo mức 1,6%/tháng từ ngày 16/4/2019 đến ngày 25/5/2021 (tính tròn là 25

tháng), thành tiền là: $300.000.000 \text{ đồng} \times 25 \text{ tháng} \times 1,6\%/\text{tháng} = 120.000.000 \text{ đồng}$ (Một trăm hai mươi triệu đồng). Tổng cộng gốc và lãi là 420.000.000 đồng (Bốn trăm hai mươi triệu đồng); ông M không yêu cầu Tòa án tính tiền lãi suất từ ngày 09/3/2019 đến ngày 15/4/2019 và lãi suất từ ngày 26/5/2021 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm nên không xE xét, giải quyết. Về án phí, bà E phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Hà Văn M là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Biên bản xác minh ngày 06/3/2020 tại Công an phường T, thành phố B và Văn bản xác minh ngày 12/11/2020 của Công an phường 14, Quận x, Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định giải quyết việc dân sự số 18/2021/QĐST-VDS ngày 02 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai thì bị đơn là bà Nguyễn Thị Huỳnh E có nơi cư trú tại số 91/24, khu phố 3, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Tòa án đã thông báo và triệu tập hợp lệ cho bà E về việc thụ lý vụ án, hòa giải, công khai chứng cứ và xét xử nhưng bà E vẫn cố tình vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 1 Điều 207; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Hà Văn M khởi kiện bà Nguyễn Thị Huỳnh E, có nơi cư trú tại số 91/24, khu phố 3, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai để tranh chấp số tiền cho vay và tiền lãi. Căn cứ Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B.

[3] Về yêu cầu khởi kiện: Ông Hà Văn M căn cứ vào chứng cứ là “Giấy nhận nợ ngày 09/3/2019” thể hiện nội dung bà E xác nhận đã mượn của ông M số tiền gốc 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng), bà E đã nhận đủ tiền và hẹn tới ngày 15/4/2019 sẽ trả hết tiền. Quá trình làm việc, Tòa án đã niêm yết các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và thông báo, triệu tập hợp lệ cho bà E về việc thụ lý vụ án, làm việc, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử nhưng bà E vẫn cố tình vắng mặt không có lý do, không có ý kiến phản đối, cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho sự phản đối đó. Do đó, việc ông M khởi kiện buộc bà E phải trả số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) và tiền lãi tính chung theo mức 1,6%/tháng từ ngày 16/4/2019 đến ngày 25/5/2021 (tính tròn là 25 tháng), thành tiền là: $300.000.000 \text{ đồng} \times 25$

tháng x 1,6%/tháng = 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng). Tổng cộng gốc và lãi là 420.000.000 đồng (Bốn trăm hai mươi triệu đồng) là có căn cứ chấp nhận. Ông M không yêu cầu Tòa án tính lãi suất từ ngày 09/3/2019 đến ngày 15/4/2019 và lãi suất từ ngày 26/5/2021 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm nên không xét, giải quyết (Căn cứ vào quy định tại Điều 463, 465, 466 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015).

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết, bà Nguyễn Thị Huỳnh E phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 20.800.000 đồng (Hai mươi triệu tám trăm nghìn đồng).

[5] LỜI phát biểu của Kiểm sát viên phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 429, 463, 465, 466 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 26, Điều 35 và Điều 39, Điều 147, Điều 184, Điều 203, khoản 1 Điều 207, Điều 220, Điều 228, Điều 238, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hà Văn M.

Buộc bà Nguyễn Thị Huỳnh E phải có nghĩa vụ trả cho ông Hà Văn M số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) và tiền lãi tính chung theo mức 1,6%/tháng từ ngày 16/4/2019 đến ngày 25/5/2021 (tính tròn là 25 tháng), thành tiền là: 300.000.000 đồng x 25 tháng x 1,6%/tháng = 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng). Tổng cộng gốc và lãi là 420.000.000 đồng (Bốn trăm hai mươi triệu đồng).

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Nguyễn Thị Huỳnh E phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 20.800.000 đồng (Hai mươi triệu tám trăm nghìn đồng).

Hoàn trả cho ông Hà Văn M số tiền tạm ứng án phí đã nộp 8.372.000 đồng (theo biên lai số 0007573 ngày 18/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của

số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai (01);
- VKSND TP. B (02);
- Chi cục THADS TP. B (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu HS-VP (03).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoàng Phương